

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1749/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về thực hiện chính sách đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường nghỉ việc trước thời hạn do triển khai thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân phường

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/NQ-QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với những người là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường không phải là cán bộ, công chức và không thuộc biên chế của Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, nghỉ việc trước thời hạn do triển khai thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân phường, không thể bố trí được công tác khác.

Điều 2. Chính sách áp dụng

1. Những người thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian công tác đủ 20 năm trở lên thì được hưởng các chế độ sau:

a) Chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ trước tuổi;

b) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ trước thời hạn trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân phường 2004 - 2011;

c) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

2. Những người thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước thì được hưởng các khoản trợ cấp sau:

a) 03 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) 1/2 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác.

3. Những người thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này thôi việc ngay được hưởng các khoản trợ cấp sau:

a) 03 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác.

4. Những người thuộc diện thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này thì không thực hiện chế độ thôi việc ngay quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 3. Thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp

1. Thời gian công tác tính hưởng trợ cấp quy định tại Quyết định này là thời gian làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và công ty nhà nước không đóng bảo hiểm xã hội nhưng được tính hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định và thời gian có đóng bảo hiểm xã hội, nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ xuất ngũ, phục viên trước khi giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường.

2. Nếu thời gian công tác có tháng lẻ dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là nửa năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 1 năm.

Điều 4. Cách tính trợ cấp

1. Tiền lương tháng quy định tại Quyết định này là tiền lương theo thang bảng lương và các khoản phụ cấp có đóng bảo hiểm xã hội (nếu có) theo quy định.

2. Tiền lương tháng để tính các chế độ trợ cấp quy định tại điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2 Quyết định này được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của năm năm cuối trước khi nghỉ trước thời hạn. Riêng đối với những trường hợp chưa đủ 5 năm công tác, thì được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của toàn bộ thời gian công tác.

3. Những người đã được nhận trợ cấp quy định tại Quyết định này nếu được tuyển dụng vào các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và công ty nhà nước thì phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp đã nhận. Cơ quan, đơn vị, công ty nhà nước nơi tuyển dụng người đã nhận trợ cấp theo quy định tại Quyết định này có trách nhiệm thu hồi số tiền trợ cấp đã nhận và nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí giải quyết chính sách theo quy định tại Quyết định này do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 6. Trình tự thực hiện

1. Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lập danh sách những người được hưởng chế độ theo quy định tại Quyết định này và dự toán kinh phí giải quyết chế độ cho từng đối tượng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xem xét, giải quyết.

2. Sở Nội vụ, Sở Tài chính, cơ quan Bảo hiểm xã hội cùng cấp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thẩm định danh sách đối tượng, thời gian tính hưởng trợ cấp và kinh phí thực hiện; lập danh sách và dự toán kinh phí thực hiện của địa phương mình gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để giải quyết theo thẩm quyền.

3. Trên cơ sở đề nghị của địa phương, Bộ Nội vụ có ý kiến thẩm tra về danh sách đối tượng để Bộ Tài chính giải quyết theo thẩm quyền.

4. Căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính thẩm tra về việc tính toán chế độ chính sách, dự toán kinh phí và cấp kinh phí cho địa phương thực hiện.

5. Căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ và đề nghị của địa phương, Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giải quyết chính sách cho các đối tượng quy định tại Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thanh toán chế độ, chính sách cho từng đối tượng và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chính sách quy định tại Quyết định này được tính hưởng kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2009.

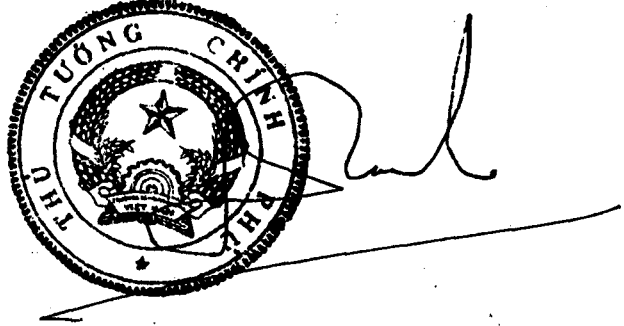
Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b). Trang 2/0

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng